

S.No.	Name of Township	Chinese	Pinyin	County	Type
1	Lukang	鹿港鎮	Lùgǎng Zhèn	Changhua	Urban
2	Hemei	和美鎮	Héměi Zhèn	Changhua	Urban
3	Beidou	北斗鎮	Běidǒu Zhèn	Changhua	Urban
4	Yuanlin	員林鎮	Yuánlín Zhèn	Changhua	Urban
5	Xihu	溪湖鎮	Xīhú Zhèn	Changhua	Urban
6	Tianzhong	田中鎮	Tiánzhōng Zhèn	Changhua	Urban
7	Erlin	二林鎮	Èrlín Zhèn	Changhua	Urban
8	Xianxi	線西鄉	Xiànxi Xiāng	Changhua	Rural
9	Shengang	伸港鄉	Shēngǎng Xiāng	Changhua	Rural
10	Fuxing	福興鄉	Fúxīng Xiāng	Changhua	Rural
11	Xiushui	秀水鄉	Xiùshuǐ Xiāng	Changhua	Rural
12	Huatan	花壇鄉	Huātán Xiāng	Changhua	Rural
13	Fenyuan	芬園鄉	Fēnyuán Xiāng	Changhua	Rural
14	Dacun	大村鄉	Dàcūn Xiāng	Changhua	Rural
15	Puyan	埔鹽鄉	Pùyán Xiāng	Changhua	Rural
16	Puxin	埔心鄉	Pùxīn Xiāng	Changhua	Rural
17	Yongjing	永靖鄉	Yǒngjìng Xiāng	Changhua	Rural
18	Shetou	社頭鄉	Shètóu Xiāng	Changhua	Rural
19	Ershui	二水鄉	Èrshuǐ Xiāng	Changhua	Rural
20	Tianwei	田尾鄉	Tiánwěi Xiāng	Changhua	Rural
21	Pitou	埤頭鄉	Pítóu Xiāng	Changhua	Rural
22	Fangyuan	芳苑鄉	Fāngyuàn Xiāng	Changhua	Rural
23	Dacheng	大城鄉	Dàchéng Xiāng	Changhua	Rural
24	Zhutang	竹塘鄉	Zhútáng Xiāng	Changhua	Rural
25	Xizhou	溪州鄉	Xīzhōu Xiāng	Changhua	Rural
26	Budai	布袋鎮	Bùdài Zhèn	Chiayi	Urban
27	Dalin	大林鎮	Dàlín Zhèn	Chiayi	Urban
28	Minxiong	民雄鄉	Mínxióng Xiāng	Chiayi	Rural
29	Xikou	溪口鄉	Xīkǒu Xiāng	Chiayi	Rural
30	Xingang	新港鄉	Xīngǎng Xiāng	Chiayi	Rural
31	Liujiao	六腳鄉	Liùjiǎo Xiāng	Chiayi	Rural
32	Dongshi	東石鄉	Dōngshí Xiāng	Chiayi	Rural
33	Yizhu	義竹鄉	Yìzhú Xiāng	Chiayi	Rural
34	Lucao	鹿草鄉	Lùcǎo Xiāng	Chiayi	Rural
35	Shuishang	水上鄉	Shuǐshàng Xiāng	Chiayi	Rural
36	Zhongpu	中埔鄉	Zhōngpù Xiāng	Chiayi	Rural
37	Zhuqi	竹崎鄉	Zhúqí Xiāng	Chiayi	Rural
38	Meishan	梅山鄉	Méishān Xiāng	Chiayi	Rural
39	Fanlu	番路鄉	Fānlù Xiāng	Chiayi	Rural
40	Dapu	大埔鄉	Dàbù Xiāng	Chiayi	Rural
41	Alishan	阿里山鄉	Ālishān Xiāng	Chiayi	Rural
42	Guanxi	關西鎮	Guānxi Zhèn	Hsinchu	Urban
43	Xinpu	新埔鎮	Xīnpù Zhèn	Hsinchu	Urban
44	Zhudong	竹東鎮	Zhúdōng Zhèn	Hsinchu	Urban
45	Hukou	湖口鄉	Húkǒu Xiāng	Hsinchu	Rural
46	Hengshan	橫山鄉	Héngshān Xiāng	Hsinchu	Rural

47	Xinfeng	新豐鄉	Xīnfēng Xiāng	Hsinchu	Rural
48	Qionglin	芎林鄉	Qiónglín Xiāng	Hsinchu	Rural
49	Baoshan	寶山鄉	Bǎoshān Xiāng	Hsinchu	Rural
50	Beipu	北埔鄉	Běipǔ Xiāng	Hsinchu	Rural
51	Emei	峨眉鄉	Éméi Xiāng	Hsinchu	Rural
52	Jianshi	尖石鄉	Jiānshí Xiāng	Hsinchu	Mountain Indigenous
53	Wufeng	五峰鄉	Wǔfēng Xiāng	Hsinchu	Mountain Indigenous
54	Fenglin	鳳林鎮	Fènglín Zhèn	Hualien	Urban
55	Yuli	玉里鎮	Yùlǐ Zhèn	Hualien	Urban
56	Xincheng	新城鄉	Xīnchéng Xiāng	Hualien	Rural
57	Ji'an	吉安鄉	Jí'an Xiāng	Hualien	Rural
58	Shoufeng	壽豐鄉	Shòufēng Xiāng	Hualien	Rural
59	Guangfu	光復鄉	Guāngfù Xiāng	Hualien	Rural
60	Fengbin	豐濱鄉	Fēngbīn Xiāng	Hualien	Rural
61	Ruisui	瑞穗鄉	Ruìsuì Xiāng	Hualien	Rural
62	Fuli	富里鄉	Fùlǐ Xiāng	Hualien	Rural
63	Xiulin	秀林鄉	Xiùlín Xiāng	Hualien	Mountain Indigenous
64	Wanrong	萬榮鄉	Wànróng Xiāng	Hualien	Mountain Indigenous
65	Zhuoxi	卓溪鄉	Zhuōxī Xiāng	Hualien	Mountain Indigenous
66	Yuanli	苑裡鎮	Yuànli Zhèn	Miaoli	Urban
67	Tongxiao	通霄鎮	Tōngxiao Zhèn	Miaoli	Urban
68	Zhunán	竹南鎮	Zhúnán Zhèn	Miaoli	Urban
69	Toufen	頭份鎮	Tóufèn Zhèn	Miaoli	Urban
70	Houlong	後龍鎮	Hòulóng Zhèn	Miaoli	Urban
71	Zhuolan	卓蘭鎮	Zhuōlán Zhèn	Miaoli	Urban
72	Dahu	大湖鄉	Dàhú Xiāng	Miaoli	Rural
73	Gongguan	公館鄉	Gōngguǎn Xiāng	Miaoli	Rural
74	Tongluo	銅鑼鄉	Tóngluó Xiāng	Miaoli	Rural
75	Nanzhuang	南庄鄉	Nánzhuāng Xiāng	Miaoli	Rural
76	Touwu	頭屋鄉	Tóuwū Xiāng	Miaoli	Rural
77	Sanyi	三義鄉	Sānyì Xiāng	Miaoli	Rural
78	Xihu	西湖鄉	Xīhú Xiāng	Miaoli	Rural
79	Zaoqiao	造橋鄉	Zàoqiáo Xiāng	Miaoli	Rural
80	Sanwan	三灣鄉	Sānwān Xiāng	Miaoli	Rural
81	Shitan	獅潭鄉	Shītán Xiāng	Miaoli	Rural
82	Tai'an	泰安鄉	Tài'an Xiāng	Miaoli	Mountain Indigenous
83	Puli	埔里鎮	Pǔlǐ Zhèn	Nantou	Urban
84	Caotun	草屯鎮	Cǎotún Zhèn	Nantou	Urban
85	Zhushan	竹山鎮	Zhúshān Zhèn	Nantou	Urban
86	Jiji	集集鎮	Jíjí Zhèn	Nantou	Urban
87	Mingjian	名間鄉	Míngjiān Xiāng	Nantou	Rural
88	Lugu	鹿谷鄉	Lùgǔ Xiāng	Nantou	Rural
89	Zhongliao	中寮鄉	Zhōngliáo Xiāng	Nantou	Rural
90	Yuchi	魚池鄉	Yúchí Xiāng	Nantou	Rural
91	Guoxing	國姓鄉	Guóxìng Xiāng	Nantou	Rural
92	Shuili	水里鄉	Shuǐlǐ Xiāng	Nantou	Rural
93	Xinyi	信義鄉	Xìnyì Xiāng	Nantou	Mountain Indigenous

94	Ren'ai	仁愛鄉	Rén'ài Xiāng	Nantou	Mountain Indigenous
95	Huxi	湖西鄉	Húxī Xiāng	Penghu	Rural
96	Baisha	白沙鄉	Báishā Xiāng	Penghu	Rural
97	Xiyu	西嶼鄉	Xiyǔ Xiāng	Penghu	Rural
98	Wang'an	望安鄉	Wàng'ān Xiāng	Penghu	Rural
99	Qimei	七美鄉	Qīměi Xiāng	Penghu	Rural
100	Chaozhou	潮州鎮	Cháo zhōu Zhèn	Pingtung	Urban
101	Donggang	東港鎮	Dōnggǎng Zhèn	Pingtung	Urban
102	Hengchun	恆春鎮	Héngchūn Zhèn	Pingtung	Urban
103	Wandan	萬丹鄉	Wàndān Xiāng	Pingtung	Rural
104	Changzhi	長治鄉	Chángzhì Xiāng	Pingtung	Rural
105	Linluo	麟洛鄉	Línluò Xiāng	Pingtung	Rural
106	Jiuru	九如鄉	Jiǔrú Xiāng	Pingtung	Rural
107	Ligang	里港鄉	Lǐgǎng Xiāng	Pingtung	Rural
108	Yanpu	鹽埔鄉	Yánpù Xiāng	Pingtung	Rural
109	Gaoshu	高樹鄉	Gāoshù Xiāng	Pingtung	Rural
110	Wanluan	萬巒鄉	Wànlúan Xiāng	Pingtung	Rural
111	Neipu	內埔鄉	Nèipù Xiāng	Pingtung	Rural
112	Zhutian	竹田鄉	Zhútián Xiāng	Pingtung	Rural
113	Xinpi	新埤鄉	Xīnpí Xiāng	Pingtung	Rural
114	Fangliao	枋寮鄉	Fāngliáo Xiāng	Pingtung	Rural
115	Xinyuan	新園鄉	Xīnyuán Xiāng	Pingtung	Rural
116	Kanding	崁頂鄉	Kàndǐng Xiāng	Pingtung	Rural
117	Linbian	林邊鄉	Línbiān Xiāng	Pingtung	Rural
118	Nanzhou	南州鄉	Nánzhōu Xiāng	Pingtung	Rural
119	Jiadong	佳冬鄉	Jiādōng Xiāng	Pingtung	Rural
120	Liuqiu	琉球鄉	Liúqiú Xiāng	Pingtung	Rural
121	Checheng	車城鄉	Chēchéng Xiāng	Pingtung	Rural
122	Manzhou	滿州鄉	Mǎnzhōu Xiāng	Pingtung	Rural
123	Fangshan	枋山鄉	Fāngshān Xiāng	Pingtung	Rural
124	Sandimen	三地門鄉	Sāndimén Xiāng	Pingtung	Mountain Indigenous
125	Wutai	霧臺鄉	Wùtái Xiāng	Pingtung	Mountain Indigenous
126	Majia	瑪家鄉	Mǎjiā Xiāng	Pingtung	Mountain Indigenous
127	Taiwu	泰武鄉	Tàiwǔ Xiāng	Pingtung	Mountain Indigenous
128	Laiyi	來義鄉	Láiyì Xiāng	Pingtung	Mountain Indigenous
129	Chunri	春日鄉	Chūnrì Xiāng	Pingtung	Mountain Indigenous
130	Shizi	獅子鄉	Shǐzǐ Xiāng	Pingtung	Mountain Indigenous
131	Mudan	牡丹鄉	Mǔdān Xiāng	Pingtung	Mountain Indigenous
132	Chenggong	成功鎮	Chénggōng Zhèn	Taitung	Urban
133	Guanshan	關山鎮	Guānshān Zhèn	Taitung	Urban
134	Beinan	卑南鄉	Bēinán Xiāng	Taitung	Rural
135	Dawu	大武鄉	Dàwǔ Xiāng	Taitung	Rural
136	Taimali	太麻里鄉	Tàimálǐ Xiāng	Taitung	Rural
137	Donghe	東河鄉	Dōnghé Xiāng	Taitung	Rural
138	Changbin	長濱鄉	Chǎngbīn Xiāng	Taitung	Rural
139	Luye	鹿野鄉	Lùyě Xiāng	Taitung	Rural
140	Chishang	池上鄉	Chíshàng Xiāng	Taitung	Rural

141	Lüdao	綠島鄉	Lǜdǎo Xiāng	Taitung	Rural
142	Yanping	延平鄉	Yánpíng Xiāng	Taitung	Mountain Indigenous
143	Haiduan	海端鄉	Hǎiduān Xiāng	Taitung	Mountain Indigenous
144	Daren	達仁鄉	Dárén Xiāng	Taitung	Mountain Indigenous
145	Jinfeng	金峰鄉	Jīnfēng Xiāng	Taitung	Mountain Indigenous
146	Lanyu	蘭嶼鄉	Lányǔ Xiāng	Taitung	Mountain Indigenous
147	Luodong	羅東鎮	Luódōng Zhèn	Yilan	Urban
148	Su'ao	蘇澳鎮	Sū'ào Zhèn	Yilan	Urban
149	Toucheng	頭城鎮	Tóuchéng Zhèn	Yilan	Urban
150	Jiaoxi	礁溪鄉	Jiāoxī Xiāng	Yilan	Rural
151	Zhuangwei	壯圍鄉	Zhuàngwéi Xiāng	Yilan	Rural
152	Yuanshan	員山鄉	Yuánshān Xiāng	Yilan	Rural
153	Dongshan	冬山鄉	Dōngshān Xiāng	Yilan	Rural
154	Wujie	五結鄉	Wǔjié Xiāng	Yilan	Rural
155	Sanxing	三星鄉	Sānxīng Xiāng	Yilan	Rural
156	Datong	大同鄉	Dàtóng Xiāng	Yilan	Mountain Indigenous
157	Nan'ao	南澳鄉	Nán'ào Xiāng	Yilan	Mountain Indigenous
158	Dounan	斗南鎮	Dòunán Zhèn	Yunlin	Urban
159	Huwei	虎尾鎮	Hǔwěi Zhèn	Yunlin	Urban
160	Xiluo	西螺鎮	Xīluó Zhèn	Yunlin	Urban
161	Tuku	土庫鎮	Tǔkù Zhèn	Yunlin	Urban
162	Beigang	北港鎮	Běigǎng Zhèn	Yunlin	Urban
163	Gukeng	古坑鄉	Gǔkēng Xiāng	Yunlin	Rural
164	Dapi	大埤鄉	Dàpí Xiāng	Yunlin	Rural
165	Citong	荊桐鄉	Cìtóng Xiāng	Yunlin	Rural
166	Linnei	林內鄉	Línnei Xiāng	Yunlin	Rural
167	Erlun	二崙鄉	Èrlún Xiāng	Yunlin	Rural
168	Lunbei	崙背鄉	Lúnbèi Xiāng	Yunlin	Rural
169	Mailiao	麥寮鄉	Màiliáo Xiāng	Yunlin	Rural
170	Dongshi	東勢鄉	Dōngshì Xiāng	Yunlin	Rural
171	Baozhong	褒忠鄉	Bāozhōng Xiāng	Yunlin	Rural
172	Taixi	臺西鄉	Táixī Xiāng	Yunlin	Rural
173	Yuanchang	元長鄉	Yuánzhǎng Xiāng	Yunlin	Rural
174	Sihu	四湖鄉	Sìhú Xiāng	Yunlin	Rural
175	Kouhu	口湖鄉	Kǒuhú Xiāng	Yunlin	Rural
176	Shuilin	水林鄉	Shuǐlín Xiāng	Yunlin	Rural
177	Jincheng	金城鎮	Jīnchéng Zhèn	Kinmen	Urban
178	Jinhu	金湖鎮	Jīnhú Zhèn	Kinmen	Urban
179	Jinsha	金沙鎮	Jīnshā Zhèn	Kinmen	Urban
180	Jinning	金寧鄉	Jīnníng Xiāng	Kinmen	Rural
181	Lieyu	烈嶼鄉	Lièyǔ Xiāng	Kinmen	Rural
182	Wuqiu	烏坵鄉	Wūqiū Xiāng	Kinmen	Rural
183	Nangan	南竿鄉	Nán'gān Xiāng	Lienchiang	Rural
184	Beigan	北竿鄉	Běigān Xiāng	Lienchiang	Rural
185	Juguang	莒光鄉	Jǔguāng Xiāng	Lienchiang	Rural
186	Dongyin	東引鄉	Dōngyǐn Xiāng	Lienchiang	Rural

For more information, kindly visit: [www.downloadexcelfiles.com](http://www.downloadexcelfiles.com)